TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THƯỜNG XUÂN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST
Ngày 08 tháng 8 năm 2024 về việc
"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Lê Xuân Tơn

- Bà Hà Thị Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng K

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 44/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024 về việc *"tranh chấp hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: - Chị Lương Thị N; Sinh năm: 1997.

Địa chỉ: Thôn Cao Tiến, xã Luận Thành, huyện Thường Xuân, Thanh Hóa

2. Bị đơn: - Anh Lương Văn K; Sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Thôn Tiến Hưng 2, xã Luận Thành, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 02 năm 2024 và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lương Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân:

Chị N và anh Lương Văn K chung sống với nhau tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và đã thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã Luận Thành, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 13/11/2015. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến tháng 10 năm 2016 vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính

cách không hòa hợp anh K thường xuyên bạo lực gia đình, xúc phạm vợ và gia đình bên vợ dẫn đến hôn nhân vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2016 đến nay, hiện tại chị N, anh K người nào biết người đó không còn quan tâm tới nhau, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa, nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Lương Văn K.

- *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung:* Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Lương Gia B, sinh ngày 28/03/2015. Hiện nay chị N đang làm công nhân tại tỉnh Bắc Ninh, thu nhập thấp, không có nơi ăn ở ổn định, hơn nữa từ nhỏ tới lớn cháu B ở cùng anh K và ông bà nội ổn định, để không xáo trộn việc sinh hoạt và học tập của con nên khi ly hôn chị N đề nghị giải quyết giao cháu B cho anh K được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền qua lại thăm nom con.

- *Về tài sản chung và công nợ:* Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các thông báo, giấy triệu tập và các văn bản, quyết định tố tụng cho anh Lương Văn K nhưng anh K không có mặt tại Tòa án để làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không có mặt tại Tòa án để tham gia các phiên tòa.

Tại phiên tòa:

Chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Thường Xuân tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và Nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, bị đơn không đến Tòa án để làm việc theo giấy triệu tập và thông báo của Tòa án là không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng. Về yêu cầu của người khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Chị Lương Thị N khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết tranh chấp về ly hôn, nuôi con với anh Lương Văn K. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bị đơn anh Lương Văn K có nơi cư trú tại thôn Tiến Hưng 2, xã Luận Thành, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Nguyên đơn chị N có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với chị N.

Bị đơn anh Lương Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với anh K.

[2] Về nội dung:

- *Về hôn nhân:* Nguyên đơn chị Lương Thị N và bị đơn anh Lương Văn K chung sống với nhau tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 13/11/2015 tại UBND xã Luận Thành, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị N là do anh K thường xuyên xúc phạm vợ, gia đình bên vợ và thường xuyên bạo lực gia đình dẫn đến hôn nhân vợ chồng không hạnh phúc. Nay chị N xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh K không còn, mâu thuẫn căng thẳng nhất là từ thời điểm tháng 10/2016, chị N và anh K đã sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai còn quan tâm tới nhau. Anh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh K đã không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên họp, chứng tỏ anh K cũng không tha thiết hòa giải để đoàn tụ gia đình. Nay chị N xét thấy tình cảm giữa chị và anh K không còn nên chị N tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

Quá trình thu thập chứng cứ tại địa phương phản ánh: Anh K và chị N trong thời gian sinh sống tại địa phương vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh K đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, cho chị N được ly hôn với anh K là có căn cứ.

- *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung:* Chị N và anh K có một con chung là cháu Lương Gia B, sinh ngày 28/03/2015. Xét thấy kể từ khi chị N và anh K sống ly thân cho đến nay cháu B sống cùng với anh K và ông bà nội, anh K vẫn nuôi dạy, chăm sóc, giáo dục cháu B đảm B tốt về mọi mặt; Nguyện vọng của cháu B là được ở với bố; để không xáo trộn việc sinh hoạt và học tập của cháu B nên khi ly hôn giao cháu B cho anh K được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo

dục. Xét thấy yêu cầu của chị N và nguyện vọng của cháu B phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 6, Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Vì vậy Hội đồng xét xử có cơ sở để chấp nhận theo yêu cầu của chị N. Chị N đề nghị không phải cấp dưỡng nuôi con chung do hiện tại chị đang làm công nhân tại tỉnh Bắc Ninh có thu nhập thấp và không ổn định, hoàn cảnh kinh tế rất khó khăn nên được chấp nhận.

- *Về tài sản và công nợ chung:* Nguyên đơn chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

- *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

- *Về quyền kháng cáo:* Chị N và anh K có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lương Thị N.

Chị Lương Thị N được ly hôn anh Lương Văn K.

2. Về con chung: Chị N, anh K có một con chung là Lương Gia B, sinh ngày 28/03/2015. Khi ly hôn giao cháu B cho anh K trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị N có quyền qua lại thăm nom con không ai được ngăn cấm, cản trở.

3. Về tài sản và công nợ: Nguyên đơn chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lương Thị N phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị N đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0006357 ngày 03/4/2024. Số tiền này được trừ vào số tiền án phí mà chị N phải nộp, theo đó chị N đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lương Thị N, anh Lương Văn K vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thường Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thường Xuân;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Luận Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Long